TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-PT
Ngày 24/01/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Nguyễn Tấn Tặng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn T1, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 4, Ấp Đường T2, xã Bình G, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Lê Văn S, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Số 41, khóm TĐ A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Anh Cao Văn L, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp Tô P, xã Cô T3, huyện Tri T4, tỉnh An Giang.

(Anh T1 có mặt; anh L vắng mặt; anh S có mặt tại phiên tòa ngày 12/01/2022 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 24/01/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Phan Văn T1 trình bày:

Vào ngày 13/9/2019, anh Lê Văn S cùng anh Cao Văn L đến mua lúa của anh với số lượng 55.628kg, nhân với giá 4.600đ/kg, tổng số tiền là 255.887.000 đồng, anh S cùng anh L đã trả cho anh 193.887.000 đồng, còn thiếu lại 62.000.000 đồng. Anh Phan Văn T1 yêu cầu anh Lê Văn S, anh Cao Văn L liên đới trả tiền mua lúa còn thiếu 62.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/9/2019 cho đến ngày xét xử.

- Bị đơn anh Lê Văn S trình bày:

Anh làm nghề trung gian thu mua lúa, anh cùng anh Cao Văn L, sinh năm: 1983, ngụ ấp Tô P, xã Cô T3, huyện Tri T4, tỉnh An Giang, thỏa thuận hợp tác thu mua lúa bán lại để kiếm lời, anh và anh L thỏa thuận nếu có L nhuận thì chia đôi, nếu thua lỗ thì mỗi người chịu trách nhiệm đối với ½ trên tổng số tiền thua lỗ, ngày 16/9/2019, anh và anh L thu mua lúa của anh Võ Ngọc C, anh Phan Văn T1, anh Huỳnh Văn H để bán lại cho công ty Thắng L, trụ sở tại huyện Thốt N, tỉnh Cần Thơ, cụ thể như sau:

Mua lúa của anh Võ Ngọc C số lượng 584.478kg, giá 4.600đ/kg, thành tiền 269.000.000đ; mua lúa của anh Phan Văn T1 số lượng 55.628kg, giá 4.600đ/kg, thành tiền 255.887.000đ; mua lúa của anh Huỳnh Văn H số lượng 59.400kg, giá 4.500đ/kg, thành tiền 267.300.000đ.

Việc liên hệ, lập hợp đồng với công ty Thắng L do anh L phụ trách, anh chỉ biết giá tiền thỏa thuận là 4.700đ/kg, sau khi anh và anh L thu mua lúa xong, phía đại diện công ty Thắng L là chị Nguyễn Thị Thanh T5 trực tiếp kiểm hàng và cùng anh chở lúa về công ty để nhận tiền trả cho anh C, anh T1, anh H, tuy nhiên, khi đến công ty thì công ty không có tiền để chi trả nên các nông dân không đồng ý giao lúa mà giữ lại dưới ghe, sau đó 02 ngày, do sợ lúa hư hỏng nên anh và anh L làm tờ bảo lãnh cho công ty để công ty được nhận lúa.

Khoảng 30 ngày sau, công ty Thắng L trả tiền lúa, công ty báo trong số lúa đã mua có 569 tấn bị ẩm vàng, nên chỉ trả tiền với giá 4.200đ/kg, thấp hơn 500đ so với giá thỏa thuận ban đầu 4.700đ, dẫn đến anh và anh L bị lỗ hết gần 250.000.000đ, việc này các nông dân bán lúa cho anh đều biết vì hôm đó họ đến công ty nhận tiền cùng anh, đồng thời, công ty Thắng L lấy lý do anh L không giao số lúa còn lại như thỏa thuận nên công ty giữ lại 500.000.000đ, nhưng thực tế là do công ty gọi điện thoại báo cho chị T5 sẽ không nhận lúa của anh và anh L nữa, chị T5 gọi điện báo lại cho anh và anh L nên anh và anh L phải tìm công ty khác bán số lúa đã mua để lấy tiền trả cho nông dân, chứa không phải anh và anh L có lúa mà không giao cho công ty Thắng L.

Do thua lỗ và hiện còn bị công ty Thắng L giữ lại số tiền 500.000.000đ, anh và anh L chỉ có khả năng trả cho anh C 2.295.000.000đ còn nợ lại 395.000.000đ, trả cho anh H 192.300.000đ còn nợ lại 75.000.000đ, trả cho anh T1 193.887.000đ còn nợ lại 62.000.000đ.

Số tiền còn nợ lại của anh C, anh T1, anh H anh thống nhất sau khi anh giải quyết và nhận được tiền từ công ty Thắng L anh sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả cho các anh ½ trên tổng số nợ, hiện tại do công ty chưa thanh toán tiền cho

anh, nên anh không có tiền để hoàn trả.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Cao Văn L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T1.

+ Buộc buộc anh Lê Văn S, anh Cao Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Văn T1 số tiền mua lúa còn thiếu là 71.502.947 đồng. Trong đó vốn 62.000.000 đồng, lãi 9.502.947 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Văn S, anh Cao Văn L có trách nhiệm liên đới chịu 3.575.147 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Văn T1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T1 đã nộp theo Biên lai thu số BI/2019/0006761, quyển số 0136 ngày 13/10/2020, tại Chi cục Thi hánh án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 08/4/2021 anh S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh S phát biểu: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh T1 phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chưa xem xét kháng cáo của anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng pháp luật. Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần nhưng anh L vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử theo luật định.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt của anh L tại phiên tòa là phù hợp, bởi vì: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, bà Mai Thị Đ1 và chị Cao Thị Mỹ H1 (mẹ và em của anh L) xác nhận đã có nhận thay cho anh L các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm, như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời có điện thoại thông báo cho anh L biết nhưng anh L cho rằng, đến khi anh về đám giỗ ở gia đình bên vợ rồi sẽ về nhà luôn nhưng anh L không về. Mặt khác, anh S thừa nhận giấy nợ mua bán lúa do anh S cùng với anh L ký tên, nhưng anh L đi nơi khác cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho anh T1 biết (khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự. Anh L vẫn còn giữ liên lạc qua điện thoại với bà Đ1, chị H1 (nhà anh L và nhà bà Đ1 liền kề nhau) vào thời điểm Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, đã biết việc anh T1 khởi kiện yêu cầu trả nợ nhưng không cung cấp địa chỉ cư trú mới cho bà Đ1, chị H1 biết nên thuộc trường hợp cố ý giấu địa chỉ (điểm a, khoản 2 Điều Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/HĐTP ngày 05/5/2017). Thực tế, bà Đ1 và chị H1 đã nhận thay Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh L đến phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, Bản án sơ thẩm nhưng anh L cũng không có kháng cáo theo quy định. Anh L cũng không có mặt tại phiên tòa phúc thẩm theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án Tỉnh nên xét xử phúc thẩm vắng mặt theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của anh S yêu cầu là không buộc anh S có trách nhiệm liên đới cùng anh L trả nợ và lãi 71.502.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 13/9/2019, hai bên có đến mua bán lúa với số lượng 55.628kg, giá 4.600đ/kg, thành tiền là 255.887.000 đồng, anh L và anh S đã trả cho anh T1 được 193.887.000 đồng, còn nợ lại 62.000.000 đồng.

Anh S thì cho rằng anh và anh L thỏa thuận hợp tác thu mua lúa bán lại để kiếm lời, anh và anh L thỏa thuận nếu có L nhuận thì chia đôi, nếu thua lỗ thì mỗi người chịu trách nhiệm đối với ½ trên tổng số tiền thua lỗ, chứ anh S không có trực tiếp mua bán lúa với anh T1.

Tuy nhiên, xét thấy khi mua lúa của anh T1, thì anh S và anh L có làm biên nhận nợ tiền lúa của anh T1, đồng thời anh S thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên nhận là của anh S và của anh T1 nên việc khai nại của anh S là không chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/01/2022 anh S không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T1 về việc yêu cầu anh S, anh L liên đới trả tiền mua lúa còn thiếu 62.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/9/2019 cho đến ngày xét xử, lãi suất 0,83%/tháng là 18 tháng 14 ngày, số tiền lãi 9.502.947 đồng (làm tròn 9.502.000đ); tổng cộng vốn lãi 71.502.000 đồng là phù hợp.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn S.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T1.

Buộc buộc anh Lê Văn S, anh Cao Văn L có trách nhiệm liên đới trả cho anh Phan Văn T1 số tiền mua lúa còn thiếu là 71.502.000 đồng. (Trong đó vốn 62.000.000 đồng, lãi 9.502.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Anh Lê Văn S, anh Cao Văn L có trách nhiệm liên đới chịu 3.575.147 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lê Văn S phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000d theo Biên lai số 0014377 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hánh án dân sự huyện T.

- Anh Phan Văn T1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T1 đã nộp theo Biên lai thu số BI/2019/0006761, quyển số 0136 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hánh án dân sự huyện T.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thông